

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/DS-ST

Ngày: 13-6-2019

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Chiến.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 363/2018/TLST- DS ngày 03 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị R, sinh năm: 1963;

Địa chỉ: ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm: 1976;

Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 1955;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 12 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị R - trình bày: Nguyên Bà R và Chị Nguyễn Thị Kim Y, Bà Nguyễn Thị Kim H vốn là chỗ quen biết từ lâu. Chị Y, Bà H thường vay tiền của bà để làm ăn buôn bán kinh doanh. Hiện tại, Bà H và Chị Y còn nợ bà số tiền cụ thể như sau:

+ Ngày 08/12/2017, Chị Y vay của bà 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng, bà

nói với Chị Y chỉ cho vay với điều kiện có Bà H (mẹ của Chị Y) cùng ký tên vay, Chị Y và Bà H đồng ý. Cùng ngày, Bà R mang tiền đến nhà Chị Y cho Chị Y vay, bà là người lập giấy nợ, Bà H và Chị Y cùng ký tên lẫn tay nhận nợ. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là đến ngày 08/3/2018 (trong giấy nợ bà Y ghi nhầm ngày 08/3/2017), lãi suất thỏa thuận miệng là 2.500.000 (Hai triệu năm trăm ngàn) đồng/tháng

+ Ngày 29/5/2018, Chị Y tiếp tục hỏi vay của bà 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng để làm vốn kinh doanh, Bà R cũng mang tiền đến nhà Chị Y cho Chị Y vay, Bà H cũng có mặt và biết việc vay tiền này, còn nói với bà cố gắng giúp đỡ để Chị Y có vốn làm ăn. Bà cũng là người lập giấy nợ, Chị Y và Bà H ký tên, lẫn tay nhận nợ. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay đến 29/6/2018, thỏa thuận lãi suất miệng là 900.000 (Chín trăm ngàn) đồng/tháng.

+ Ngày 13/9/2018, cũng như hai lần trước, Chị Y hỏi vay tiền và Bà R mang tiền xuống nhà Chị Y cho Chị Y vay. Giấy nợ do Bà R lập, Chị Y và Bà H ký tên, lẫn tay nhận nợ 66.000.000 (Sáu mươi sáu triệu) đồng, thỏa thuận thời hạn trả là ngày 13.10.2018, lãi suất thỏa thuận miệng là 3.500.000 (Ba triệu năm trăm ngàn) đồng/tháng.

Các giấy biên nhận nợ chỉ lập một bản do bà giữ. Tổng cộng số nợ gốc Chị Y, Bà H vay của bà là 40.000.000 đồng + 100.000.000 đồng + 66.000.000 đồng = 206.000.000 (Hai trăm lẻ sáu triệu) đồng.

Bà xác định Chị Y có trả tiền cho bà nhiều lần tổng cộng số tiền là 5.000.000 đồng, không có biên nhận. Hiện tại, Chị Y và Bà H còn nợ bà số tiền là 206.000.000 đồng – 5.000.000 đồng = 201.000.000 đồng. Trong quá trình Tòa án lấy lời khai, bà trình bày với Tòa án Chị Y có trả cho bà được 15.000.000 đồng nhưng nay bà xác nhận lại là không đúng, do bà nhớ không rõ nên trình bày không đúng với Tòa án. Bà thừa nhận Chị Y có trả cho bà được 15.000.000 đồng nhưng là trả cho cho các khoản nợ khác chứ không phải phần nợ trong vụ án này.

Về tiền lãi, Chị Y và Bà H hoàn toàn chưa trả cho bà được khoản lãi nào.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Chị Y và Bà H trả cho bà số tiền nợ gốc là 201.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn – Chị Nguyễn Thị Kim Y – trình bày trong hồ sơ vụ án: Chị và Bà R là chỗ quen biết, chị vay tiền của Bà R để làm vốn kinh doanh buôn bán từ năm 2017. Hiện chị vẫn còn nợ Bà R, cụ thể như sau:

- Ngày 08/12/2017, chị vay 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng để làm vốn kinh doanh, thời hạn trả 02 tháng từ ngày vay, lãi suất thỏa thuận miệng 2.400.000 đồng/tháng, giấy nợ do Bà R lập, chị ký tên, mẹ của chị là Bà H lẫn tay. Đối với

khoản vay này, chị vẫn chưa trả được nợ gốc, tiền lãi chị đã đóng nhiều tháng nhưng chị không nhớ là bao nhiêu vì chị không có giấy tờ đóng lãi.

- Đối với giấy nợ ngày 13/9/2018 Bà R cung cấp cho Tòa án, chị trình bày: Vào ngày 13/9/2018, chị vay thêm 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng, Bà R viết giấy nợ mới, cộng khoản vay 40.000.000 đồng ngày 08/12/2017 vào 25.000.000 đồng này, cùng với 1.000.000 đồng tiền lãi khác chị còn nợ Bà R và viết thành giấy nợ 66.000.000 (Sáu mươi sáu triệu) đồng. Khoản vay này hạn 01 tháng sau trả, lãi suất thỏa thuận miệng 5000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Chị sợ suất không yêu cầu Bà R xé bỏ giấy nợ cũ 40.000.000 đồng. Vì thế, Bà R giữ 02 giấy nợ (giấy 40.000.000 đồng và 66.000.000 đồng) và nay khởi kiện chị.

- Đối với khoản vay 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng: Số tiền này chị vay nhiều lần, sau đó Bà R lập giấy nợ chốt lại là 100.000.000 đồng. Khi lập giấy nợ này, hai bên thỏa thuận lãi suất miệng 5000 đồng/1.000.000 đồng/tháng, hạn 01 tháng sau trả. Chị không nhớ ngày lập giấy nợ này. Chị xác định đây đúng là giấy nợ chị vay 100.000.000 đồng của Bà R.

Đối với khoản vay 66.000.000 (Sáu mươi sáu triệu) đồng và 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, chị có trả lãi cho Bà R nhưng chị không nhớ bao nhiêu vì chị không có giấy tờ, sổ sách ghi chép lại.

Bà R chỉ lập 01 giấy nợ và là người giữ giấy nợ. Đối với giấy nợ do Bà R cung cấp cho Tòa án, chị xác định đây đúng là giấy nợ chị vay tiền của Bà R, là chữ ký nhận nợ của chị và dấu lấn tay của mẹ chị.

Việc vay nợ là do chị vay để kinh doanh buôn bán, mẹ chị hoàn toàn không sử dụng số tiền vay này. Do Bà R yêu cầu phải có mẹ chị ký tên vào giấy vay nợ thì Bà R mới cho vay. Vì thế, trong các giấy nợ, mẹ chị đều lấn tay để bảo lãnh các khoản vay cho chị. Mẹ chị không biết rõ các khoản vay, hiện chị nợ Bà R bao nhiêu tiền mẹ chị đều không biết.

Chị xác định chỉ nợ Bà R 66.000.000 đồng + 100.000.000 đồng = 166.000.000 (Một trăm sáu mươi sáu triệu) đồng. Khoảng tháng 9/2018, chị đã trả cho Bà R 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng, nên hiện tại chị chỉ nợ Bà R 151.000.000 (Một trăm năm mươi một triệu) đồng.

Tuy nhiên, do Bà R có các giấy nợ khởi kiện chị, lỗi của chị là đã không hủy bỏ giấy nợ 40.000.000 đồng. Vì thế nếu Bà R xác nhận chị đã trả 20.000.000 đồng và yêu cầu chị trả bà 186.000.000 đồng cùng với lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày vay thì chị đồng ý. Nay, Bà R lại yêu cầu chị và mẹ chị trả số tiền 201.000.000 (Hai trăm lẻ một triệu) đồng, chị không đồng ý. Chị là người có trách nhiệm trả, mẹ chị không có liên quan, không biết về số nợ này.

* Bị đơn – Bà Nguyễn Thị Kim H – trình bày trong hồ sơ vụ án:

Bà là mẹ ruột của Chị Y, bà biết Bà R vì Bà R thường cho Chị Y vay tiền để làm vốn kinh doanh.

Việc Chị Y vay tiền của Bà R, bà hoàn toàn không biết cụ thể là như thế nào. Bà chỉ biết có hai lần Bà R đưa giấy nợ cho bà lẫn tay, Chị Y kêu bà lẫn tay vì có như vậy Bà R mới cho Chị Y vay tiền. Bà không biết chữ nên không biết nội dung giấy nợ, cũng không hỏi Bà R và Chị Y nội dung giấy nợ, số tiền vay là bao nhiêu. Đối với các giấy nợ Bà R cung cấp cho Tòa án, Bà H xác định đúng là dấu lẫn tay của bà, bà xác định lẫn tay để Chị Y được vay tiền chứ không bảo lãnh nợ cho Chị Y. Bà không cùng Chị Y vay nợ và không nhận tiền từ Bà R, hiện bà không biết Chị Y còn nợ Bà R số tiền là bao nhiêu. Tất cả các thỏa thuận vay tiền giữa Bà R và Chị Y bà đều không biết. Vì thế, nay Bà R yêu cầu bà cùng Chị Y trả số nợ 201.000.000 (Hai trăm lẻ một triệu) đồng, không tính lãi bà không đồng ý.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đều đã tuân thủ theo đúng quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Chị Nguyễn Thị Kim Y và Bà Nguyễn Thị Kim H có nghĩa vụ trả cho Bà Nguyễn Thị R số tiền gốc là 201.000.000 (Hai trăm lẻ một triệu) đồng, không tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, đồng bị đơn – Chị Nguyễn Thị Kim Y và Bà Nguyễn Thị Kim H - đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Chị Y và Bà H.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về giá trị pháp lý của hợp đồng vay tài sản: Xét yêu cầu khởi kiện của Bà R, thấy rằng: Bà R cung cấp cho Tòa án 03 (ba) giấy mượn nợ (Ngày 08/12/2017, số tiền vay là 40.000.000 đồng; ngày 13/9/2018, số tiền vay là 66.000.000 đồng và 01 giấy không rõ ngày tháng, năm 2018 với số tiền vay là 100.000.000 đồng), giấy nợ do Bà R lập, có chữ ký nhận nợ của Chị Nguyễn Thị Kim Y và dấu lẫn tay của Bà Nguyễn Thị Kim H. Quá trình Tòa án làm việc, Chị Y

và Bà H đều xác định đúng là chữ ký và dấu lấn tay của mình. Chị Y trình bày Bà R gộp hai giấy nợ 40.000.000 đồng với khoản nợ 26.000.000 đồng làm thành giấy nợ 66.000.000 đồng nhưng lại không hủy bỏ giấy nợ 40.000.000 đồng, tuy nhiên chị lại không có bất cứ chứng cứ nào chứng minh. Đồng thời, do không có chứng cứ chứng minh nên Chị Y cũng thừa nhận đã vay của Bà R 206.000.000 (Hai trăm lẻ sáu triệu) đồng theo 03 (ba) giấy mượn nợ nêu trên. Như vậy, có căn cứ xác định Chị Y và Bà H vay nợ của Bà R theo ba giấy mượn nợ trên là thật.

Trong giấy mượn nợ có ghi thời hạn trả nhưng không thể hiện việc thỏa thuận lãi suất, các bên đương sự trình bày có thỏa thuận miệng về lãi suất. Như vậy, giao dịch dân sự giữa Bà R và Chị Y, Bà H là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi được điều chỉnh theo quy định tại Điều 463, 470 Bộ luật Dân sự 2015.

[2.2] Về việc thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng vay tài sản giữa hai bên:

Về trả nợ gốc: Bà R xác định Chị Y và Bà H vay bà tổng số tiền là 206.000.000 (Hai trăm lẻ sáu triệu) đồng, đã trả được 5.000.000 (Năm triệu) đồng, hiện còn nợ số nợ gốc là 201.000.000 (Hai trăm lẻ một triệu) đồng là phù hợp với các giấy mượn nợ bà cung cấp cho Tòa án. Chị Y khai đã trả cho Bà R được số tiền 15.000.000 đồng, tuy nhiên chị lại không có chứng cứ thể hiện đã trả cho Bà R số tiền này. Như vậy, xác định Chị Y và Bà H đã trả cho Bà R 5.000.000 đồng theo sự thừa nhận của Bà R là phù hợp.

Về trả tiền lãi: Hai bên xác định khi vay có thỏa thuận lãi suất miệng, tuy nhiên lại khai không thống nhất về mức lãi suất đã thỏa thuận. Bà R trình bày Chị Y và Bà H hoàn toàn chưa trả lãi cho bà, Chị Y khai đã trả lãi nhiều lần nhưng lại không nhớ là bao nhiêu và cũng không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện cho việc đã trả lãi. Như vậy, không có căn cứ xác định bị đơn đã trả lãi cho nguyên đơn.

Về nghĩa vụ trả nợ: Bà R yêu cầu Chị Y và Bà H cùng phải trả khoản nợ này vì cả hai là người cùng ký tên, lấn tay điểm chỉ vào giấy vay nợ. Trong khi đó, Chị Y và Bà H khai người vay nợ là chị, Bà H hoàn toàn không có liên quan, Bà H chỉ là người lấn tay vào giấy nợ theo yêu cầu của Bà R để Chị Y được vay tiền, bà hoàn toàn không biết gì về việc vay nợ giữa Chị Y và Bà R. Căn cứ vào nội dung ba giấy mượn nợ thấy rằng: Chị Y ký tên và Bà H lấn tay vào phần nội dung “người mượn tiền”. Bà H hiện vẫn minh mẫn, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, bà cũng khai rằng khi Bà R đưa giấy nợ cho bà lấn tay điểm chỉ, bà hoàn toàn tự nguyện, không chịu bất kì sự ép buộc hay đe dọa nào và có mặt của Chị Y – con gái bà. Như vậy, Bà H hoàn toàn đủ nhận thức và phải nhận thức được rằng việc ký tên, điểm chỉ vào giấy vay nợ là xác định nghĩa vụ trả nợ của mình. Bên cạnh đó, quá trình Tòa án lấy lời khai, Bà H khai hiện bà sống chung với Chị Y, ngoài khoản

tiền Chị Y kinh doanh buôn bán có được để nuôi bà và hai con của Chị Y, bà hoàn toàn không có nguồn thu nhập nào khác để tự nuôi sống bản thân. Như vậy, có căn cứ xác định, cả Chị Y và Bà H vay tiền của Bà R nhằm phục vụ cho công việc kinh doanh của Chị Y, tạo nguồn thu nhập chủ yếu và gần như là duy nhất cho Chị Y và Bà H nuôi sống bản thân. Vì thế, Bà R yêu cầu cả Chị Y và Bà H phải cùng có nghĩa vụ trả số nợ này là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Bà R không yêu cầu tính lãi nên Tòa án ghi nhận.

[2.4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị này phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Bà R được Tòa án chấp nhận nên Chị Y và Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí. Tuy nhiên, Bà H là người cao tuổi theo Luật Người cao tuổi năm 2009 nên căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí, Bà H được miễn nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị R, buộc Chị Nguyễn Thị Kim Y và Bà Nguyễn Thị Kim H có nghĩa vụ liên đới trả cho Bà Nguyễn Thị R số tiền gốc là 201.000.000 đồng (Hai trăm lẻ một triệu đồng). Trong đó Chị Nguyễn Thị Kim Y có nghĩa vụ trả số tiền 101.000.000 (Một trăm lẻ một triệu) đồng, Bà Nguyễn Thị Kim H có nghĩa vụ trả số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng. Ghi nhận Bà R không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/6/2019) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim Y phải chịu 5.050.000 đồng (Năm triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà

Nguyễn Thị Kim H phải chịu 5.000.000 (Năm triệu) đồng tiền án phí, nhưng Bà H là người cao tuổi theo Luật người cao tuổi năm 2009 nên thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị R không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Bà R 5.150.000 đồng (Năm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019182 ngày 03/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Đỗ Thanh Bình